

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ R
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 128/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23/12/2022

“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIÁ RAI, TỈNH BẠC LIÊU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Nhạn

2. Ông Lương Chí Nguyên

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Khắc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã R, tỉnh Bạc Liêu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã R, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Mộng Đẹp - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã R, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 432/2022/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1989 (có đơn xin xét xử vắng mặt). Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- **Bị đơn:** Chị Trần Thị H, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã P, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Nguyễn Minh Đ trình bày: Anh Đ và chị Trần Thị H chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 29/02/2012, tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Tường L, sinh ngày 22/10/2012. Trong thời gian chung sống vợ chồng, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, từ khi sinh con được 04 tháng chị H đã bỏ về

nhà cha mẹ ruột ở ấp A, xã P, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu sống đến nay mà không đến thăm con. Do đó, anh Đ nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị H không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H. Về con chung: Do từ khi sinh ra cho đến nay cháu L sống với anh nên khi ly hôn anh Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con mà không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Trần Thị H dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như vắng mặt tại phiên toà xét xử, nên Toà án không thể ghi nhận ý kiến của chị H.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định đảm bảo quyền lợi cho những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Từ khi thụ lý đến khi xét xử nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, còn bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng không có lý do là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu của anh Đ được ly hôn với chị H. Về con chung giao cháu Nguyễn Tường L, sinh ngày 22/10/2012 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Đ không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung do anh Đ xác định không có nên không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ yêu cầu của đương sự tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã R, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Đ và chị H tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29/02/2012 theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9

Luật hôn nhân gia đình, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nay anh Đ khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H và giải quyết về con chung đây thuộc quan hệ “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn*”, chị H hiện đang cư trú tại ấp A, xã P, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh Đ là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; chị H là bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và nguyên đơn.

[3] Về hôn nhân:

[3.1] Trong thời gian chung sống vợ chồng thì giữa anh Đ và chị H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, khi chị H sinh con được 04 tháng thì chị H tự bỏ về nhà cha mẹ ruột ở ấp A, xã P, thị xã R, tỉnh Bạc Liêu mà không đến thăm con. Anh Đ xác định hiện nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, đã sống ly thân thời gian dài nên anh Đ đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn với chị H.

[3.2] Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án đã hòa giải để anh Đ và chị H đoàn tụ nhưng anh Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn vì nhận thấy không còn tình cảm, cả hai không còn quan tâm nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Còn chị H mặc dù đã được triệu tập hợp lệ để tham gia hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do, nên không thể ghi nhận ý kiến của chị H. Xét thấy, hôn nhân phải dựa trên cơ sở tình yêu thương của cả hai vợ chồng, nhưng anh Đ cương quyết xin ly hôn. Mặc khác giữa anh Đ và chị H cũng sống ly thân thời gian dài, vì vậy có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của anh chị đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đ là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng anh Đ và chị H có 01 con chung là Nguyễn Tường L, sinh ngày 22/10/2012. Khi ly hôn anh Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung mà không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ biên bản ghi nhận ý kiến của cháu Nguyễn Tường L, cháu L xác định khi cha mẹ ly hôn thì cháu muốn sống với cha vì từ trước đến nay cháu sống với cha, hiện tại cha cho cháu đi học ở trường Tiểu học Tường Thắng. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ giao cháu L cho anh Đ trực tiếp

nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp quy định pháp luật. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Đ không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: anh Đ xác định giữa anh và chị H không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã R là phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng anh Đ phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51 và các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh Đ được ly hôn với chị Trần Thị H.

2. Về con chung:

2.1 Giao con chung là Nguyễn Tường L, sinh ngày 22/10/2012 cho anh Nguyễn Minh Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cháu L hiện đang sống cùng anh Đ nên được giữ nguyên.

2.2 Chị Trần Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

2.3 Chị Trần Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh Đ không yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm buộc anh Nguyễn Minh Đ có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), anh Nguyễn Minh Đ đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Biên lai thu số: 0004424, ngày 19/10/2022

của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã R, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí toàn bộ.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND cùng cấp;
- CCTHADS cùng cấp;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thúy